

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **188/2024/DS-PT**
Ngày 24 tháng 4 năm 2024
(V/v bồi thường thiệt hại ngoài HĐ)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Ninh Quang Thế**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Thành Lập**

Ông **Đặng Minh Trung**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Ngô Thuý Nguyễn** – Là Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau** Bà **Nguyễn Thị Thuý Hồng**
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24/4/2024 tại Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 66/2024/TLPT-DS ngày 11/3/2024 về tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 249/2023/DS-ST ngày 105/12/2023 của Toà án nhân dân huyện Phú Tân bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 118/2024/QĐPT-DS ngày 27/3/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông **Võ Văn M**, sinh năm 1969; Địa chỉ cư trú: **Ấp T, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau** (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thanh Đ**, sinh năm 1966; Địa chỉ cư trú: **Số E, đường N, khóm E, phường A, thành phố C, tỉnh Cà Mau** (có mặt).

- **Bị đơn:** Ông **Lâm Văn T**, sinh năm 1955; Địa chỉ cư trú: **Ấp L, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau** (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông **Vương Tài H**, sinh năm 1958; Địa chỉ cư trú: **Số A, đường N, khóm D, Phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau**, là người đại diện theo uỷ quyền của ông **T** văn bản uỷ quyền ngày 30/3/2023 (vắng mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Bà **Lê Thị T1 (T2)**, sinh năm 1964.

+ Ông **Nguyễn Tấn D**, sinh năm 1957.

+ Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1957 (vợ ông **D**); Cùng địa chỉ cư trú: **Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau**.

+ **Ngân hàng N - Chi nhánh huyện P, tỉnh Cà Mau**. Địa chỉ: **Khóm H, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau**.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng: Ông **Trần Thanh T3** – Giám đốc **Ngân hàng N - Chi nhánh huyện P, tỉnh Cà Mau**.

- *Người kháng cáo:* Ông **Lâm Văn T** là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Ông **Võ Văn M** trình bày: Ông có phần đất được cấp quyền sử dụng đất ngày 17/4/2001 với diện tích 16.390m², đến tháng 01/2002 ông **Lâm Văn T** ngang nhiên vô chiếm giữ và canh tác đến tháng 01/2023 mới chấp nhận giao trả lại toàn bộ hiện trạng đất cho ông. Việc tranh chấp đã được Tòa án hai cấp xét xử tại Bản án sơ thẩm số 52/DSST, ngày 18/3/2004 và Bản án phúc thẩm số 196/DSPT, ngày 06/8/2004 đều buộc ông **T** giao trả lại diện tích đất 16.390m² cho ông và đã được Chi cục thi hành án dân sự thi hành xong bản án, sau đó ông **T** không chấp hành án mà tiếp tục chiếm đất canh tác đến tháng 01/2023. Tính từ tháng 01/2002 đến tháng 01/2023 là 23 năm liên tục phía ông bị xâm phạm quyền lợi không được canh tác thụ hưởng trên đất. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp ông yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Phú Tân buộc ông **Lâm Văn T** phải bồi thường cho ông theo phương thức cho thuê đất canh tác, giá thuê 1.000m² đất là 1.000.000 đồng, với diện tích 16.390m² x 1.000.000 đồng = 16.390.000 đồng x 23 năm = 376.970.000 đồng. Tại phiên tòa, ông thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bồi thường tổng số tiền là 233.000.000 đồng.

- Ông **Lâm Văn T** trình bày: Ông không đồng ý với Bản án số 196/DSPT, ngày 06/8/2004 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau. Về nguồn gốc đất là do ông khai phá năm 1979, đến năm 1983 cho ông **Lâm Văn S** và bà **Lê Thị T4** mượn 15 công tầm 3 mét để sản xuất, được thời gian thì ông **S** chết nên tiếp tục cho bà **T4** mượn đến năm 1991 có yêu cầu bà **T4** trả đất và thương lượng trả thành quả lao động 10 công, còn 05 công ông cho bà **T4**. Thời gian kéo dài đến năm 1998, bà **T4** không thực hiện nên có nhờ Ban hòa giải, thỏa thuận buộc bà **T4** trả thành quả lao động 10.000.000 đồng, tháng 11/1998 trả 5.000.000 đồng, đến tháng 11/1999 trả 5.000.000 đồng trả dứt điểm, ngược lại nếu bà **T4** không trả thì phải trả 10 công đất lại cho ông, biên bản lập ngày 20/4/1998, đến 2000 bà **T4** không thực hiện đúng như biên bản.

Ngày 23/8/2000, bà **T4** chuyển nhượng cho ông **Nguyễn Tấn D** giá 01 công là 04 chỉ vàng, có đưa giấy sang nhượng cho Ban nhân dân ấp ký xác nhận và yêu cầu bà **T4** trả cho ông 10.000.000 đồng nhưng bà **T4** không đồng ý. Ngày 21/8/2000, bà **T4** chuyển nhượng cho **Võ Văn M** phần đất trên giá 60 chỉ vàng, được áp ký xác nhận ngày 24/8/2000, **UBND xã P** xác nhận ngày 13/3/2001, công chứng **huyện C** ký ngày 15/3/2001 (bà **T4** không thừa nhận chữ ký, cho rằng ông **D** giả mạo chữ ký, bà không trực tiếp mua bán với ông **Võ Văn M**).

Ngày 20/4/2001, **UBND xã P** hòa giải bà **T4** không đồng ý trả thành quả lao động theo Biên bản ngày 20/4/1998 mà trả bằng 10 công đất, còn 05 công ông cho bà **T4**, bà **T4** bán lại cho ông **S** chỉ vàng và xin thêm 3.500.000 đồng, việc trả tiền

vàng có ban ngành cuộc họp chứng kiến và ông nhận lại toàn bộ diện tích đất. Hơn 21 năm qua, ông vẫn tiếp tục quản lý sử dụng nhưng yêu cầu vẫn tiếp tục kéo dài cho đến nay.

Căn cứ biên bản 14/9/2022, ông không cho ông M tự ý vào cất nhà lúc này ông mới biết ông M đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh C cấp quyền sử dụng đất mới số DB 150170 ngày 24/6/2021. Ông yêu cầu Thanh tra Sở T xem xét lại trình tự cấp quyền sử dụng đất cho ông M, yêu cầu xử lý hành vi của ông D vì lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tiền của ông M, giả mạo chữ ký của bà T4. Ông không đồng ý với yêu cầu của ông M vì là đất của ông, không sang bán cho ông M, cũng không thuê đất và làm thiệt hại gì tài sản của ông M.

- Tại công văn số 257/NHNo-PT ngày 10/12/2023 Ngân hàng N - Chi nhánh huyện P nêu: Ông Võ Văn M còn dư nợ 400.000.000 đồng, khoản vay có thể chấp bằng quyền sử dụng đất DB 180170 diện tích 16.390m², không đặt ra yêu cầu gì và xin vắng mặt.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 249/2023/DS-ST ngày 18/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn M.

Buộc ông Lâm Văn T phải bồi thường thiệt hại cho ông Võ Văn M số tiền là 233.000.000 đồng (hai trăm ba mươi ba triệu đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 22/12/2023 ông T kháng cáo yêu cầu huỷ án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho cơ quan Công an xử lý.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và không cung cấp thêm chứng cứ gì mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự tuân thủ các quy định về pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức, về nội dung đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo được ông T thực hiện đúng quy định tại các Điều 272, 273 Bộ luật TTDS, HĐXX sẽ xem xét kháng cáo của ông theo quy định. Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với ông Vương Tài H người đại diện hợp pháp của ông T, đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, tại toà ông T đồng ý Toà án xét xử vắng mặt người đại diện, nên Toà án xét xử vắng mặt ông H theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông **T** đặt ra vấn đề ông không chuyển nhượng đất cho ông **M** Tòa án hai cấp tỉnh Cà Mau năm 2004 xét xử buộc ông trả đất cho ông **M** là không đúng, yêu cầu hủy hai bản án này, HĐXX đã giải thích cho ông **T** rõ, HĐXX phúc thẩm lần này không có thẩm quyền hủy hai bản án nêu trên, để ông biết và đi vào trọng tâm kháng cáo bản án sơ thẩm số 249/2023/DS-ST ngày 18/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, nhưng ông vẫn giữ quan điểm như kháng cáo của mình.

[2] Xét kháng cáo của ông **T**:

- Đối với yêu cầu hủy án sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 310 của Bộ luật TTDS cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm trong các trường hợp: - Việc thu thập chứng cứ và chứng minh không theo đúng quy định tại Chương VII của Bộ luật này hoặc chưa được thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được; - Thành phần của Hội đồng xét xử sơ thẩm không đúng quy định của Bộ luật này hoặc có vi phạm nghiêm trọng khác về thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Đối chiếu quy định này với quá trình thực hiện tố tụng của cấp sơ thẩm, thấy cấp sơ thẩm không vi phạm các quy định nêu trên nên yêu cầu hủy án sơ thẩm của ông **T** không được chấp nhận.

- Đối với yêu cầu chuyển hồ sơ cho cơ quan Công an: Việc yêu cầu cơ quan Công an là quyền của người dân khi xét thấy quyền lợi của mình bị xâm hại ở mức độ thiệt hại thuộc Luật hình sự điều chỉnh, do đó nếu ông **T** xét thấy quyền lợi của ông bị xâm hại thì ông có quyền yêu cầu cơ quan Công an bảo vệ quyền lợi của ông, không ai tự nhiên thay thế quyền này của ông được. Trong vụ án này ông **M** là người khởi kiện ông cho rằng ông xâm hại quyền lợi của ông **M** ở mức độ thiệt hại thuộc Luật dân sự điều chỉnh, do Tòa án đã giải quyết vụ án, nên yêu cầu chuyển hồ sơ cho cơ quan Công an giải quyết là không có căn cứ.

Quan điểm của đại diện VKS tham gia phiên tòa về nội dung vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX.

[3] Về án phí: Ông **T** là người cao tuổi, sau khi xét xử sơ thẩm ông có đơn xin miễn án phí, nên HĐXX xét miễn án phí cho ông cả sơ thẩm lẫn phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 Bộ luật TTDS. Đơn xin miễn án phí của ông **T** phát sinh sau khi xét xử sơ thẩm, nên việc sửa án phí cấp sơ thẩm không có lỗi.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị HĐXX không xem xét đến.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 BLTTDS; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Không chấp nhận kháng cáo của ông **Lâm Văn T**. Sửa phần án phí của bản dân sự sơ thẩm số: 294/2023/DS-ST ngày 18/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. *Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Võ Văn M.**

Buộc ông **Lâm Văn T** phải bồi thường thiệt hại cho ông **Võ Văn M** số tiền là 233.000.000 đồng (hai trăm ba mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày ông **M** có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông **T** chậm thanh toán, thì ông **T** còn phải chịu thêm khoản lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong.

2. Về án phí: Ông **T** là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn cả án phí sơ thẩm lẫn phúc thẩm.

Ông **Võ Văn M** được hoàn lại số tiền nộp tạm ứng 9.424.000 đồng (chín triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn đồng) tại lai thu tiền số 0018625, ngày 16/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ninh Quang Thế